

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/DS-ST
Ngày: 23-02-2023
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và tranh chấp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Dũng.
2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 74/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXX-ST ngày 12 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Dương Thị H1, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Ấp PLB, xã PTB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt

2. *Bị đơn:* Lê Văn D, sinh năm 1954; Nơi cư trú: Ấp PLB, xã PTB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt

3. Người làm chứng:

3.1. Nguyễn Thanh V, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Ấp PLA, xã PTB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt

3.2. Trần Thị Mai H2, sinh năm 1970; Vắng mặt

3.3. Phạm Thị T1, sinh năm 1974; Vắng mặt

3.4. Nguyễn Thị T2, sinh năm 1981; Vắng mặt

3.5. Lê Văn Hoàng E, sinh năm 1985; Vắng mặt

Cùng nơi cư trú: Ấp PLB, xã PTB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 9 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Dương Thị H1, trình bày: Ngày 11 tháng 3 năm 2017 âm lịch, bà có kêu một số người quen để tham gia chơi hụi do bà làm chủ, vợ chồng ông Lê Văn D tham gia 02 chân hụi, hụi 300.000 đồng, mỗi tuần khui 1 lần, tổng số có 68 chân hụi, ngày mãn hụi là ngày 11 tháng 6 năm 2018 âm lịch, hoa hồng là 150.000 đồng/lần khui. Trong đây hụi này vợ chồng ông D đã hốt cả 02 chân hụi và châu hụi chết đến tuần thứ 11 (ngày 22 tháng 5 năm 2017 âm lịch) thì không châu nữa. Bà đã châu hụi thay cho vợ chồng ông D 57 tuần (tính từ ngày 22 tháng 5 năm 2017 đến 11 tháng 6 năm 2018), mỗi tuần châu 02 chân hụi, số tiền bà châu thay cho vợ chồng ông D là 57 tuần x 300.000 đồng x 02 chân hụi = 34.200.000 đồng.

Ngày 25 tháng 4 năm 2017 âm lịch, bà có cho ông Lê Văn D mượn số tiền 20.000.000 đồng.

Ngày 21 tháng 5 năm 2017 âm lịch, bà cho ông Lê Văn D mượn số tiền 22.000.000 đồng, về cách thức trả tiền góp là mỗi ngày trả cho bà số tiền 300.000 đồng, trả đúng 75 ngày (số tiền 22.500.000 đồng) là dứt nợ gốc. Nhưng ông D chưa đóng tiền góp cho bà được lần nào.

Đến ngày 29 tháng 5 năm 2017, ông Lê Văn D làm giấy nhận nợ với số tiền là 42.000.000 đồng.

Tổng số tiền ông D còn nợ bà là 76.200.000 đồng (bảy mươi sáu triệu, hai trăm nghìn đồng).

Nay bà làm đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Văn D trả cho bà số tiền 76.200.000 đồng. Trong đó tiền hội là 34.200.000 đồng, tiền cho mượn là 20.000.000 đồng và tiền góp là 22.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đối với bị đơn ông Lê Văn D, Toà án đã triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng ông không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử, cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18 tháng 11 năm 2022 đối với người làm chứng Nguyễn Thanh V trình bày: Anh tên là Nguyễn Thanh V trong giấy hội đề tên Lùn, có tham gia 01 chân hội tuần, đây hội anh có vợ Hai D cùng tham gia 02 chân hội 300.000 đồng. Vợ Hai D đã hốt hội và hội đã mãn. Đây hội có 68 người, mở năm 2017, còn việc vợ Hai D và chị M (tên H1), hai người đó có châu hội dùm và còn thiếu bao nhiêu tiền của vợ Hai M thì anh không biết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18 tháng 11 năm 2022 đối với người làm chứng Trần Thị Mai H2 trình bày: Vào năm 2017, vợ Hai M (H1) làm chủ hội tuần 300.000 đồng, chị có vô 02 chân hội tên 10 Chi và vợ Hai D có 02 chân và đã hốt hội rồi. Chân hội có 68 người tham gia và hội đã mãn lâu rồi, còn việc vợ Hai M và vợ Hai D còn thiếu tiền gì bao nhiêu thì chị không biết. Ngoài ra không trình bày gì thêm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18 tháng 11 năm 2022 đối với người làm chứng Phạm Thị T1 trình bày: Chị có chơi chung với đây hội tuần với vợ Hai D, hội 300.000 đồng, chị tham gia 10 chân tên T1, vợ Hai D tham gia 02 chân, đây hội có 68 người tham gia, mở năm 2017. Vợ Hai D đã hốt hội và hội đã mãn lâu rồi, việc vợ Hai D còn thiếu nợ vợ Hai M (tên H1) không thì chị không biết. Ngoài ra không trình bày gì thêm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18 tháng 11 năm 2022 đối với người làm chứng Nguyễn Thị T2 trình bày: Vào năm 2017, lâu quá không nhớ ngày tháng, vợ Hai M (H1) làm chủ hội, chị có vô 02 chân hội tên là Thím Linh, có 68 người tham gia, có vợ Hai D 02 chân và đã hốt hội xong và hội đã mãn lâu rồi, còn việc vợ Hai D còn thiếu tiền vợ Hai M không thì chị không biết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18 tháng 11 năm 2022 đối với người làm chứng Lê Văn Hoàng E trình bày: Theo anh được biết, cha anh Lê Văn D có thừa nhận nợ cho mẹ anh vì mẹ anh đã chết là còn nợ bà H1 40.000.000 đồng tiền góp, còn nợ tiền hui thì gia đình anh không biết. Hiện tại cha anh bệnh gút đi thành phố trị bệnh không có nhà.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về việc nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị H1; buộc ông Lê Văn D trả cho bà Dương Thị H1 số tiền 42.000.000 đồng; không chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị H1 về việc yêu cầu ông Lê Văn D trả số tiền hui 34.200.000 đồng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật:*

[1.1] Bà Dương Thị H1 khởi kiện ông Lê Văn D trả số tiền đã vay và số tiền hui mà bà đã châu thay nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hui, bị đơn ông Lê Văn D đang cư trú tại ấp Phú Lợi B, xã Phú Thuận B, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, vì vậy theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

[1.2] Bị đơn ông Lê Văn D, những người làm chứng Nguyễn Thanh V, Trần Thị Mai H2, Phạm Thị T1, Nguyễn Thị T2 và Lê Văn Hoàng E đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và những người làm chứng.

[2] *Về nội dung:* Xét yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị H1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Đối với yêu cầu trả số tiền mượn và tiền góp: Bị đơn ông Lê Văn D có nợ tiền của bà Dương Thị H1 là có căn cứ, điều đó đã được thể hiện qua giấy nhận nợ ngày 29 tháng 5 năm 2017 của ông Lê Văn D và tại Biên bản hòa giải ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Ban Hòa giải ấp Phú Lợi B, xã Phú Thuận B, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp cũng như tại biên bản ghi lời khai ngày 18 tháng 11 năm 2022 của anh Lê Văn Hoàng E (là con của ông D) thừa nhận ông D còn nợ bà H1 với số tiền là 42.000.000 đồng và nhưng đến hiện nay vẫn chưa trả số tiền này. Vì vậy, việc khởi kiện của bà Dương Thị H1 là có căn cứ, còn ông D không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì vậy đã đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Đối với yêu cầu trả số tiền hui đã chầu thay: Hội đồng xét xử xét thấy, ngoài giấy ghi hui và lời khai của những người làm chứng Nguyễn Thanh V, Trần Thị Mai H2, Phạm Thị T1, Nguyễn Thị T2 là ông D và vợ có tham gia chơi hui chung do bà H1 làm chủ, hiện hui đã mãn, vợ chồng ông D đã hốt hui thì không còn chứng cứ nào chứng minh là vợ chồng ông D chưa chầu hui chết cho bà H1, cũng như tại Biên bản hòa giải ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Ban Hòa giải ấp Phú Lợi B, xã Phú Thuận B, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp cũng như tại biên bản ghi lời khai ngày 18 tháng 11 năm 2022 của anh Lê Văn Hoàng E (là con của ông D) đều không thừa nhận ông D có nợ tiền hui của bà H1. Tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định rõ: *“Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp”*. Tuy nhiên, nguyên đơn bà Dương Thị H1 không cung cấp cho Tòa án bất cứ chứng cứ nào để chứng minh việc ông D chưa chầu hui chết cho bà. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị H1 đối với tiền hui là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về lãi suất: Các đương sự không có tranh chấp và không có yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[4] Từ những nhận định trên, đã đủ cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng phù hợp với ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu của bà H1, buộc ông D phải trả số tiền vay là 42.000.000 đồng và không chấp nhận số tiền hui là 34.200.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng các Điều 144 và 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, quy định: “*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận*”; căn cứ vào điểm b khoản 1.3 Điều 1 Mục II của Danh mục án phí kèm theo Nghị quyết, ông Lê Văn D phải chịu án phí của số tiền phải thực hiện nghĩa vụ là 42.000.000 đồng; bà Dương Thị H1 phải chịu án phí của số tiền không được chấp nhận là 34.200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 144, 147, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về Hộ, hội, bêu, phường; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị H1.

1.1. Buộc ông Lê Văn D trả cho bà Dương Thị H1 số tiền 42.000.000 đồng (bốn mươi hai triệu đồng).

1.2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị H1 về việc yêu cầu ông Lê Văn D trả số tiền hội 34.200.000 đồng (ba mươi bốn triệu hai trăm nghìn đồng).

2. Về án phí:

2.1. Ông Lê Văn D phải chịu 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Bà Dương Thị H1 phải chịu 1.700.000 đồng (một triệu bảy trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 1.905.000 đồng (một triệu chín trăm lẻ năm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004059 ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, bà H1 được nhận lại 205.000 đồng (hai trăm lẻ năm nghìn đồng).

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lương Bằng